

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:240/2022/HSST

Ngày: 25-11-2022.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Hoài.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Vân

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Thanh Thi – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 193/2022/TLST-HS ngày 14 tháng 10 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 255/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 11 năm 2022, đối với các bị cáo:

1/ Trần Phúc L, sinh năm 1995, tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: không có; chỗ ở: không có chỗ ở ổn định; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Anh T (chết) và bà Nguyễn Thị Ngọc M (chết), có 01 anh ruột, bản thân chưa có vợ, con, tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/06/2022, “có mặt”.

2/ Nguyễn Thị Thanh T, sinh năm 1995, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: ấp Ph, xã P, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp X, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nữ; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Thành N và bà Đặng Thị R, có 01 em ruột, có chồng tên Nguyễn Minh Th và 01 con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; tại ngoại, “có mặt”.

3/ Nguyễn Minh Th, sinh năm 1997, tại Thành phố Hồ Chí Minh; hộ khẩu thường trú: ấp X, xã Ph, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Ấp 5, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông

Nguyễn Phước L và bà Vũ Thị P, có 02 em ruột, có vợ tên Nguyễn Thị Thanh T và 01 con sinh năm 2018; tiền án: không; tiền sự: không; bị bắt tạm giam từ ngày 12/07/2022, “có mặt”.

Người có quyền L, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Văn C, sinh năm 1975; địa chỉ: ấp T, xã C, thị xã M, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, “vắng mặt”.

2/ Ông Mai Văn T, sinh năm 1963; địa chỉ: Khóm K, Phường L, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp, “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 19/6/2022, Trần Phúc L chở Nguyễn Thị T1, sinh năm 1996 đến phòng trọ số 4 của Nguyễn Thị Thanh T (đang mang thai) và Nguyễn Minh Th thuê trọ của bà Trương Thị B tại Ấp 5, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Tại đây, L đưa 400.000 đồng cho T đi mua ma túy về sử dụng. T đi xe đạp đến khu vực xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh mua 01 gói ma túy đá của một người thanh niên (không rõ lai lịch). T mang gói ma túy về phòng trọ lấy ra một ít cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy của T và Th có sẵn trong phòng trọ; sau đó T, L, Th và T1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm Công an huyện C phối hợp Công an xã A, huyện C kiểm tra hành chính nhà trọ trên của bà Trương Thị B thì phát hiện tại phòng trọ số 4 T, Th, L và T1 đang sử dụng trái phép chất ma túy. Qua kiểm tra phát hiện trên nền gạch ở giữa phòng có 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy bên trong có chứa tinh thể không màu là ma túy đá và 01 gói nylon chứa tinh thể không màu là gói ma túy đá mà L đưa cho T số tiền 400.000 đồng mua về và đã sử dụng một ít. Công an xã A, huyện C lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với L, T, Th về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy, đồng thời thu giữ các vật chứng.

Tại bản kết luận giám định số 3588/KLGĐ-MT ngày 28/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,4514 gam loại Methamphetamine; Tinh thể không màu trong ống thủy tinh có đầu tròn là ma túy ở thể rắn, có khối lượng 0,0482 gam, loại Methamphetamine (tổng cộng khối lượng ma túy là 0,4996 gam).

Về vật chứng:

- Thu giữ của Nguyễn Thị Thanh T: 01 gói nylon bên trong chứa tinh thể không màu; 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy, 01 xe đạp; 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei1: 868683045533555, số Imei2: 868683045533548.

-Thu giữ của Trần Phúc L: 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu trắng xanh, biển số 72G1-341.80, số khung: RLCS1FC40F-Y034453, số máy: 1FC4-034451; 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Realme, số Imei1: 860343043911174, số Imei2: 860343043911166.

- Thu giữ của Nguyễn Minh Th: 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei1: 865635048216714, số Imei2: 865635048216706.

Tại bản Cáo trạng số180/CT-VKS.CC ngày 13 tháng 10 năm 2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Minh Th về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất, mức độ phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255; Điều 38; Điều 55, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Phúc L mức án từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và mức án từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp mức hình phạt chung bị cáo L phải chấp hành là từ 04 năm đến 05 năm tù.

Áp dụng điểm s, n khoản 1 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 249; khoản 1 Điều 255, Điều 38, Điều 55, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mức án từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 09 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Tổng hợp mức hình phạt chung bị cáo T phải chấp hành là từ 03 năm 03 tháng đến 04 năm 03 tháng tù.

Áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 255, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về vật chứng: xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Đối với người bán ma túy cho bị cáo T, khi nào cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi làm rõ được sẽ xử lý sau.

Tại phiên tòa, bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Minh Th thừa nhận hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C. Bị cáo L và bị cáo Th được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, bị cáo T được

hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s, n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Lời nói sau cùng, bị cáo L, bị cáo T và bị cáo Th đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Minh Thùng khai nhận: vào khoảng 18 giờ ngày 19/6/2022, bị cáo Trần Phúc L chở bạn gái là Nguyễn Thị T1 đến phòng trọ số 4 do Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Minh Th thuê của bà Trương Thị B tại Ấp 5, xã A, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Tại đây, L đưa cho T 400.000 đồng để mua ma túy về sử dụng. T đi xe đạp đến khu vực xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh gặp một người thanh niên (không rõ lai lịch) mua một gói ma túy giá 400.000 đồng. T mang gói ma túy về phòng trọ lấy một ít cho vào bộ dụng cụ sử dụng ma túy của vợ chồng T có sẵn tại phòng trọ rồi cả bốn người T, L, Th và T1 cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy. Đến khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, Công an huyện C kiểm tra phát hiện bắt quả tang các bị cáo và T1 đang sử dụng trái phép chất ma túy, đồng thời thu giữ lượng ma túy mà L đưa tiền cho T mới mua về chưa sử dụng hết.

Qua giám định, Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh kết luận: Tinh thể không màu trong 01 gói nylon và tinh thể không màu trong ống thủy tinh có đầu tròn có khối lượng tổng cộng là 0,4996g là ma túy ở thể rắn, loại Methamphetamine.

Xét thấy, lời khai của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với kết luận điều tra của cơ quan điều tra Công an huyện Củ Chi, với cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi và phù hợp với Kết luận giám định số 3588/KLGD-MT ngày 28/6/2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an thành phố Hồ Chí Minh, cùng với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa; các bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, hành vi của các bị cáo đã xâm hại đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy; bị cáo L là người chủ tiền, bị cáo T là người đi mua ma túy về để các bị cáo và T1 sử dụng nhằm thỏa mãn cơn nghiện, vì vậy, đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo L và bị cáo T đã

phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Đồng thời, bị cáo L là người cung cấp ma túy, bị cáo T và bị cáo Th cung cấp địa điểm và dụng cụ cho T1 sử dụng ma túy, nên đối chiếu với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo L, bị cáo T và bị cáo Th đã phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự.

Các bị cáo nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy là hành vi vi phạm pháp luật, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội, gây hủy hoại sức khỏe của con người và là nguyên nhân có thể gây ra nhiều tệ nạn và tội phạm khác, song các bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo L là người chủ động đưa tiền cho bị cáo T đi mua ma túy về để các bị cáo và T1 sử dụng nên hành vi của bị cáo L có tính chất nguy hiểm hơn hành vi của bị cáo T và bị cáo Th nên phải chịu mức hình phạt nghiêm khắc hơn so với bị cáo T và bị cáo Th. Bị cáo L và bị cáo T đồng thời cùng một lúc phạm 02 tội, nên hành vi của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội; do vậy, cần thiết phải áp dụng mức hình phạt nghiêm khắc và cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài để các bị cáo học tập và cải tạo, sau này trở thành người biết tôn trọng pháp luật, đồng thời cũng nhằm răn đe, phòng ngừa tội phạm chung.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, các bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Tại thời điểm xét xử bị cáo T không còn mang thai, tuy nhiên lúc phạm tội bị cáo đang mang thai 7 tuần tuổi nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không có.

Về hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 5 Điều 249 và khoản 5 Điều 255 của Bộ luật Hình sự, Hội đồng xét xử xét tính chất của vụ án và hoàn cảnh của các bị cáo nên quyết định miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 gói nylon chứa tinh thể không màu và một ống thủy tinh có đầu tròn bên trong chứa tinh thể không màu được niêm phong trong một gói mang số vụ 3588/22 có chữ ký niêm phong của Giám định viên và cán bộ điều tra, xét thấy, đây là chất ma túy Nhà nước cấm lưu hành nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 bộ dụng cụ sử dụng chất ma túy, xét thấy, đây là công cụ các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và không có giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 xe đạp của bị cáo T dùng để đi mua ma túy, xét thấy, đây là phương tiện bị cáo dùng để phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei1: 868683045533555, số Imei2: 868683045533548 thu giữ của bị cáo T; 01 điện thoại di động hiệu Vivo màu xanh, số Imei1: 865635048216714, số Imei2: 865635048216706 thu giữ của bị cáo Th; 01 xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu trắng xanh, biển số 72G1-341.80, số khung: RLCS1FC40F-Y034453, số máy: 1FC4-034451 và 01 điện thoại di động màu xanh hiệu Readme, số Imei1: 8603430439 11174, số Imei2: 860343043911166 thu giữ của bị cáo L; Xét thấy, ^y ỉ tài sản cá nhân của các bị cáo, qua điều tra các bị cáo không dùng các tài sản này vào việc phạm tội nên Hội đồng xét xử quyết định trả lại cho các bị cáo.

[4] Đối với người bán ma túy cho bị cáo T, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi chưa điều tra làm rõ được lai lịch, nhân thân nên khi nào điều tra được sẽ xử lý sau.

Đối với bà Trương Thị B không biết các bị cáo sử dụng phòng trọ số 4 để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Củ Chi không xử lý trách nhiệm hình sự đối với bà B là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự và truy tố bị cáo Nguyễn Minh Th về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 255 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Mức hình phạt mà Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa đề nghị áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[6] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trần Phúc L phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trần Phúc L mức án 02 (hai) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và mức án 03 (ba) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt của 2 tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” buộc bị cáo Trần Phúc L phải chấp hành hình phạt chung là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam là ngày 19/6/2022.

2. Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, khoản 1 Điều 255, điểm s, n khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh T mức án 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và mức án 02 (hai) năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng Điều 55 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017: Tổng hợp hình phạt của 2 tội danh “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” buộc bị cáo Nguyễn Thị Thanh T phải chấp hành hình phạt chung là 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

3. Áp dụng khoản 1 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 17 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Minh Th phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Minh Th mức án 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giam là ngày 12/7/2022.

4. Miễn hình phạt bổ sung cho các bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T và Nguyễn Minh Th.

5. Áp dụng các Điều 46, 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy 01 gói niêm phong mang số vụ 3588/2022 có chữ ký của Giám định viên và cán bộ điều tra; 01 bộ dụng cụ sử dụng ma túy.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 xe đạp của bị cáo Nguyễn Thị Thanh T.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thanh T 01 điện thoại di động hiệu OPPO, số Imei1: 868683045533555, số Imei2: 868683045533548.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Minh Th 01 điện thoại di động hiệu Vivo, số Imei1: 865635048216714, số Imei2: 865635048216706.

- Trả lại cho bị cáo Trần Phúc L 01 xe máy biển số 72G1-341.80, số khung: RLCS1FC40F-Y034453, số máy: 1FC4-034451 và 01 điện thoại di động hiệu Realme, số Imei1: 8603430439 11174, số Imei2: 860343043911166.

(Theo phiếu nhập kho vật chứng số 141/PNK ngày 10/8/2022).

6. Áp dụng các Điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc các bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Minh Thmỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

7. Áp dụng các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015: các bị cáo Trần Phúc L, Nguyễn Thị Thanh T, Nguyễn Minh Th có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền L, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa Th thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Thị Kim Hoài